ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3653 /QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày19 tháng11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch cập nhật, bổ sung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch số 85-KH/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội, Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 85-KH/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cập nhật, bổ sung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch số 85-KH/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở tiếp tục thực hiện Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Thay thế Phụ lục I và Phụ lục IV ban hành kèm theo Chương trình hành động tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh lần lượt bằng Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Các nội dung khác và Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục V, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND tiếp tục được thực hiện.

Điều 3. Căn cứ Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND, Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện đồng bộ, đầy đủ, hiệu quả; thực hiện cập nhật, bổ sung, bảo đảm triển khai đầy đủ nội dung, trách nhiệm, tiến độ, kết quả và nguồn lực thực hiện.

Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong công tác thông tin, tuyên truyền, vận động và giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình điều hành, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo; đánh giá tình hình hằng tháng, hằng quý và tổng kết năm về tình hình thực hiện nhiệm vụ của ngành, đơn vị, địa phương (lồng ghép vào báo cáo kinh tế - xã hội định kỳ) nhằm bảo đảm sự phối hợp, xử lý, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp được kịp thời.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan báo, đài;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc VPUB (t/h);
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH(nmthu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thanh Nhàn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cập nhật, bổ sung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch số 85-KH/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3653 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Nhằm cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch này để cập nhật, bổ sung Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND; cập nhật, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/ĐU của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ và thống nhất với Quyết định số 1229/QĐ-UBND. Các nội dung không được thay thế hoặc điều chỉnh tại Quyết định ban hành Kế hoạch này tiếp tục được thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

Phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ, Kế hoạch số 85-KH/ĐU ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

- Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này (thay thế Phụ lục I và Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND).

- Tiếp tục thực hiện các nội dung và Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục V, Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND; bảo đảm phối hợp đồng bộ giữa các chỉ tiêu, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

3.1. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Báo và phát thanh truyền hình Đồng Tháp và các đơn vị, địa phương có liên quan:

Tổ chức tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 18-KL/TW, Chương trình hành động số 28-CTr/TU và Kế hoạch này; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, nhân dân về yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" gắn với bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Các sở, ban, ngành tỉnh; các địa phương cung cấp nội dung, số liệu có liên quan đến đơn vị cho Báo và phát thanh truyền hình Đồng Tháp và các cơ quan báo chí để đẩy mạnh truyền thông về việc thực hiện Nghị quyết Chính phủ và Kế hoạch của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"; đồng thời, các cơ quan, đơn vị phổ biến đầy đủ nội dung cốt lõi của Kết luận số 18-KL/TW, Chương trình hành động số 28-CTr/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xác định việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao là nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu; nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, tính chủ động trong thực thi nhiệm vụ; khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, chậm trễ, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền.

3.2. Tăng cường công tác dự báo và điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế, hoàn thành các chỉ tiêu được giao

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường:

Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; có tư duy đổi mới, đột phá, hành động quyết liệt, không ngừng nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế của địa phương năm 2026 và giai đoạn 05 năm 2026 – 2030.

Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa bàn xã, phường; xác định cụ thể ngành hàng, sản phẩm, dự án và nguồn lực có khả năng đóng góp vào tăng trưởng Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn; trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã tháo gỡ khó khăn, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Chủ động xử lý nội dung thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh và các sở, ngành, địa phương:

Theo dõi sát diễn biến tình hình biến động kinh tế, nhất là những thay đổi trong chính sách của khu vực, các nước tác động đến kinh tế của tỉnh; đưa ra các phân tích, dự báo, chủ động tham mưu, đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh giải pháp ứng phó phù hợp, kịp thời, hiệu quả.

c) Các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị được giao chủ trì, triển khai thực hiện:

- Rà soát, phân kỳ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030 theo từng năm; xây dựng hoặc cập nhật các chỉ tiêu, phương án điều hành và giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế; bảo đảm thống nhất về phạm vi, khái niệm, phương pháp tính, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp.

- Đối với các chỉ tiêu có nguy cơ không đạt do nguyên nhân khách quan hoặc vượt thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.

- Theo dõi chỉ tiêu, nhiệm vụ theo phân công tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND và Kế hoạch này, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, kịp thời kiến nghị (nếu có) các địa phương triển khai các giải pháp để bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu chung của tỉnh đề ra.

3.3. Chỉ đạo khẩn trương triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm:

3.3.1. Về xử lý các dự án tồn đọng, sớm đưa vào khai thác thúc đẩy tăng trưởng

a) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Triển khai thực hiện Kế hoạch số 624/KH-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, các bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước năm 2024 khi Luật Đất đai có hiệu lực.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 661/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cập

nhật danh mục dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách) phân loại theo các nhóm dự án và đề ra hướng xử lý theo từng nhóm sớm tháo gỡ cho các dự án đi vào khai thác hoạt động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3.3.2. Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Triển khai Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh về thủ tục hành chính theo tinh thần chỉ đạo tại Kết luận số 18-KL/TW; kiểm soát chặt chẽ việc công bố, công khai và thực hiện thủ tục hành chính; rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Chủ trì hướng dẫn chuẩn hóa, tái cấu trúc và số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, thanh toán trực tuyến và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực chất. Phối hợp tổ chức thực hiện chính sách phí, lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND, bảo đảm đúng đối tượng và quy định.

Triển khai đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh ngay khi Trung ương ban hành.

Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình; danh mục dịch vụ công chưa đạt, nguyên nhân để có giải pháp bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình.

Nghiên cứu học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình hay, hiệu quả về cải cách hành chính phù hợp với thực tế của tỉnh.

3.3.3. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao hiệu quả vận hành chính quyền địa phương hai cấp tại Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cập nhật, bổ sung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2026 (gọi tắt là Quyết định số 2568/QĐ-UBND).

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 221/NQ-CP ngày 09/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 76-

KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh chuyển đổi số, liên thông dữ liệu; bảo đảm các điều kiện cần thiết để chính quyền cấp xã hoạt động hiệu quả, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

3.3.4. Xử lý tài sản công, nhà đất dôi dư

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan: Triển khai các quy định pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng; ưu tiên bố trí phục vụ hoạt động công vụ, không để thất thoát, lãng phí.

3.3.5. Hoàn thành các quy hoạch đảm bảo đồng bộ, thống nhất với yêu cầu tăng trưởng "2 con số"

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Hoàn thành Kế hoạch thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nội dung tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch chung đô thị và nông thôn đúng theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra đối với công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Phấn đấu hoàn thành công tác lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh trong quý II/2027.

Hoàn thành lập 05 quy hoạch chung đô thị (Mỹ Tho, Cao Lãnh, Sa Đéc, Cai Lậy, Gò Công) đảm bảo thống nhất với các định hướng tại điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

c*) Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan:*

Hoàn thành lập 77 quy hoạch chung do Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức lập gồm: 01 quy hoạch chung đô thị Hồng Ngự, 15 quy hoạch chung đô thị mới và 61 quy hoạch chung xã. Hoàn thành trong quý II/2027.

3.3.6. Tăng tốc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng

Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, các chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục triển khai các nhiệm

vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tiến độ các công trình trọng điểm và bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng tại Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đây là tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, trong đó có người đứng đầu. Tập trung giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hiệu quả, phù hợp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đóng góp thực chất cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.3.7. Phòng, chống thiên tai

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống thiên tai tại Quyết định số 2568 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, nguồn nước, kịp thời chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường dự báo, chủ động giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn, các giải pháp phòng, chống thiên tai trong mùa mưa bão sắp tới.

4. Đảm bảo năng lượng cho sản xuất, sinh hoạt; thúc đẩy xuất khẩu và tiêu dùng trong nước đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Theo dõi sát tình hình cung - cầu điện, xăng dầu; phối hợp với các đơn vị cung ứng xây dựng phương án bảo đảm nguồn và vận hành hệ thống ổn định, liên tục, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các dự án năng lượng tái tạo thuộc Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Quy hoạch tỉnh để khai thác đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu và tiêu dùng trong nước tại Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu, mở rộng thị phần tại các thị trường truyền thống và phát triển các thị trường mới, tiềm năng. Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng trong nước đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng chung của tỉnh.

5. Triển khai các chính sách ổn định mặt bằng lãi suất, đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 13 tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp tại Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính, vay, trả nợ của ngân sách

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị có liên quan:

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 29/4/2026; nâng cao chất lượng nguồn thu và hoạt động ngân sách nhà nước địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới và nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài. Phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính - ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm.

7. Thực hiện đồng bộ các lĩnh vực tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững

Các sở, ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ; phát triển nguồn nhân lực; quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và tăng cường bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Kế hoạch theo từng nội dung chuyên đề tại **Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung, bảo đảm triển khai đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này trong tháng 9 năm 2026.

Rà soát, xác định cụ thể nội dung công việc, cơ quan hoặc đơn vị trực tiếp thực hiện, kết quả đầu ra, tiến độ và nguồn lực; phân công trách nhiệm đến tập thể, cá nhân có liên quan. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao.

Chủ động phối hợp xử lý công việc liên ngành. Đối với nội dung thuộc thẩm quyền, phải kịp thời giải quyết; đối với nội dung vượt thẩm quyền, phải báo cáo rõ vấn đề, nguyên nhân, trách nhiệm, phương án và thời hạn đề xuất xử lý.

Thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện; khi chỉ tiêu, nhiệm vụ không đạt mốc kiểm soát hoặc có nguy cơ không hoàn thành, phải xác định phần thiếu hụt, nguyên nhân và phương án khắc phục.

Thực hiện đầy đủ chế độ cung cấp thông tin, số liệu và báo cáo; chịu trách nhiệm về tính chính xác, thống nhất, kịp thời của thông tin thuộc phạm vi quản lý.

2. Sở Tài chính

Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; duy trì bộ dữ liệu và bảng theo dõi kịch bản tăng trưởng hằng quý, năm, bảo đảm số liệu đầy đủ, thống nhất, chính xác; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất; báo cáo 6 tháng trước ngày 15 tháng 6, báo cáo năm trước ngày 15 tháng 12 hằng năm; tổ chức sơ kết giữa kỳ trong năm 2028 và tổng kết trong năm 2030.

Hằng năm, phối hợp cung cấp kết quả thực hiện Kế hoạch (lồng ghép báo cáo định kỳ kinh tế - xã hội hằng năm) gửi Sở Nội vụ tham mưu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

3. Sở Nội vụ

Căn cứ kết quả do Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu theo quy định. Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của thông tin, số liệu, kết quả thực hiện.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này./.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Chương trình hành động tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Kèm theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số 3653 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	**KINH TẾ**						
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân (theo giá so sánh)	%	5,41	≥ 9,0 (đến năm 2030 đạt trên 10%)	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		> 3,5	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%		14,8	Giữa kỳ, 05 năm		
	- Công nghiệp	%		14,5	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
	- Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	*%*		*≥ 14,5*	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh	Bổ sung chỉ tiêu theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU của

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						báo cáo	Đảng ủy UBND tỉnh; Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
	- Xây dựng	%		16,3	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Xây dựng chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
1.3	Khu vực dịch vụ	%		8,9	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương tổng hợp chung; Thống kê tỉnh báo cáo	
	Trong đó:						
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%		8,0	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
	- Vận tải, kho bãi	%		14	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Xây dựng chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%		16,15	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Thống kê tỉnh	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						báo cáo	
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%		7,0	Giữa kỳ, 05 năm	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 13 và Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%		8,5	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%		6,2	Giữa kỳ, 05 năm	Thuế tỉnh chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)	Triệu đồng	84	150 - 154	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
		USD	3.186	5.499 - 5.640	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
3	Nhóm chỉ tiêu công nghiệp						
3.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân/năm	%		≥ 12	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì;	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						Thống kê tỉnh báo cáo	
3.2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo/GRDP	%	21,68	25	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh	
3.3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD		2.400	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
3.4	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%		≥ 7	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương	
3.5	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%		10	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
4	Tỷ trọng kinh tế số/GRDP	%	5,97	≥ 30	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	55,16	> 55	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) đạt bình quân	%/năm	5,7	8	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
7	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026 – 2030	Tỷ đồng	344.109	702.668	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						kê tỉnh báo cáo	
	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân so với GRDP	%	29,09	33	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
	Tỷ trọng vốn đầu tư công trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	%	17,5	14,8	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	Bổ sung chỉ tiêu theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU của Đảng ủy UBND tỉnh; Chương trình số 28-CTr/TU giao chỉ tiêu cho UBND tỉnh
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn so với GRDP	%	11,9	6,95	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính	
	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân	%/năm	7	10	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính	
9	Hệ số ICOR			2,8		Sở Tài chính chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	
10	Nhóm chỉ tiêu dịch vụ						
10.1	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	%		≥ 14,1	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương chủ trì; Thống kê tỉnh	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						báo cáo	
10.2	Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2030	Tỷ USD	9,2	14,8	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương	
	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu	%/năm		10			Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
10.3	Kim ngạch nhập khẩu đến năm 2030	Tỷ USD	4,756	6,2	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Công Thương	
	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu	%	17,59	5,45	Giữa kỳ, 05 năm		Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
10.4	Tổng số khách du lịch quốc tế đến tỉnh trong giai đoạn 2026-2030	Nghìn lượt	1.944	6.000	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bổ sung chỉ tiêu theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU của Đảng ủy UBND tỉnh
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	31,86	50	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Xây dựng	Cập nhật theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU của Đảng ủy UBND tỉnh
12	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong giai đoạn	Doanh nghiệp	8.370	22.500	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Tài chính	
	Tổng số doanh nghiệp/1.000 dân	Doanh	4	10	Giữa kỳ,	Sở Tài chính	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
		nghiệp			05 năm		
	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	Doanh nghiệp	13.200	35.000			Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%		> 40	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
14	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thứ hạng		top 10 các tỉnh, thành phố dẫn đầu	Hằng năm	Sở Tài chính	
II	**XÃ HỘI (đến năm 2030)**						
15	Chỉ số phát triển con người (HDI)		-	> 0,7	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ; Thống kê tỉnh báo cáo	
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,85	76,21	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế chủ trì, Thống kê tỉnh báo cáo	
17	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	35	< 20	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nội vụ chủ trì; Thống kê tỉnh báo cáo	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
18	Số lao động được tạo việc làm	Lao động	275.283	250.000	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nội vụ	
19	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72	≥ 82,5	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nội vụ	
	Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	36,5	≥ 43,5	Giữa kỳ, 05 năm		
20	Tỷ lệ lao động có kỹ năng CNTT đến năm 2030	%		90	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
21	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%		35	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
22	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%		50		Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Thống kê tỉnh	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ
23	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,7	Không còn	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
24	Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.			Hoàn thành	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
25	Y tế				Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế	
	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	9,13	≥ 11	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế	
	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh	28	≥ 32	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng	%	8,19	≤ 7,98	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	100	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Y tế chủ trì; Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp thực hiện, báo cáo	
	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	(*)	100	Giữa kỳ, 05 năm	UBND xã/phường thực hiện chỉ tiêu[1], Sở Y tế phối hợp chuyên	

[1] Căn cứ điểm e Khoản 2 Điều 4 của Thông tư 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trạm y tế xã/ phường như sau: e) Khám sức khỏe hàng năm, khám sàng lọc bệnh, tật cho nhân dân trên địa bàn khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; thực hiện sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự và tham gia khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						môn, tổng hợp b/c chỉ tiêu	
26	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	29,52	≥ 35	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nội vụ chủ trì; Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp thực hiện, báo cáo	
	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	25,7	≥ 30	Giữa kỳ, 05 năm		
	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	3,8	≥ 5	Giữa kỳ, 05 năm		
27	Giáo dục						
	- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi				Giữa kỳ, 05 năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	+ Nhà trẻ	%	27,7	38			
	+ Mẫu giáo	%	91,5	97			
	+ Tiểu học	%	100,00	100			
	+ Trung học cơ sở	%	99,1	99,5			
	+ Trung học phổ thông và tương đương	%	84,0	95			
	- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia				Giữa kỳ, 05 năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	+ Tiểu học		76,6	100			
	+ Trung học cơ sở		73,2	100			
	+ Trung học phổ thông		80,0	100			
28	Số nhà ở xã hội	Căn nhà		12.200	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Xây dựng	
III	**MÔI TRƯỜNG (đến năm 2030)**						
29	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức	%	1,23	1,2	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
30	Tỷ lệ cư dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt đến năm 2030	%	97,52	> 99	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
31	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn đến năm 2030	%	97,15	> 99	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
32	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2030	%	100	100	Giữa kỳ, 05 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
33	Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Giữa kỳ, 5 năm	Ban Quản lý Khu kinh tế	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021 - 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030	Kỳ đánh giá	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
34	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%		65 - 70	Giữa kỳ, 5 năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
35	Tỷ lệ DN công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%		70	Giữa kỳ, 5 năm	Sở Công Thương	Bổ sung chỉ tiêu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP của Chính phủ

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu chưa xác định mức kết quả cụ thể

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 – 2030

(Thay thế Phụ lục IV ban hành kèm theo Chương trình hành động tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Kèm theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
I	**TRIỂN KHAI 05 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC**					
1.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 10/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp tục tổ chức thực hiện trong giai đoạn	
2.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị quyết được phê duyệt	UBND tỉnh	Kế hoạch	
3.	Xây dựng các tuyến giao thông trọng điểm kết nối liên vùng, kết nối cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu quốc tế lớn" và "Cải tạo nâng cấp các tuyến đường thuỷ nội địa, phát triển cảng nội địa" *(nêu rõ làm ở đâu, danh mục công trình cụ thể, lộ trình đầu tư xây dựng)*	Sở Xây dựng	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 615/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục tổ chức thực hiện	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
4.	Tiếp tục lãnh đạo công tác cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chậm nhất 30 ngày khi Đề án được phê duyệt		Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 04/8/2026; Kế hoạch số1404/KH-UBND 14/9/2026; tiếp tục triển khai thực hiện	
5.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 06/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện	
6.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 06/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 28/01/2026	
7.	Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách phù hợp; tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 547/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
II	**PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ THEO HƯỚNG KINH TẾ XANH, KINH TẾ SỐ, KINH TẾ TUẦN HOÀN**					
8.	Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế, thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 546/KH-UBND ngày 29/4/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
9.	Rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như: Đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 20/4/2026, tiếp tục triển khai Quyết định và báo cáo theo quy định	
*	**Nông nghiệp và Môi trường**					
10.	Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai kế hoạch và báo cáo theo quy định	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
11.	Đề án Phát triển thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 21/10/2026	
12.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" tại tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý IV/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	
13.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050" trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 10/3/2026	
14.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 1161/KH-UBND ngày 29/7/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch	
15.	Đề án Chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác lúa kém hiệu quả sang mục đích sử dụng đất khác mang lại giá trị cao hơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý IV/2026	UBND tỉnh	Đề án	
16.	Kế hoạch phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý IV/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
17.	Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thuỷ sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành	UBND tỉnh	Kế hoạch số 1267/KH-UBND ngày 12/8/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
18.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế biển tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026- 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chậm nhất 30 ngày khi Kết luận được ký ban hành	UBND tỉnh	Kế hoạch	
19.	Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 549/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
20.	Phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thuỷ sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển…	Sở Nông nghiệp và Môi trường (theo hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Theo yêu cầu Trung ương	UBND tỉnh	Báo cáo rà soát, đề xuất nội dung phân vùng chức năng khu vực biển (cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương nếu có)[2]	Bổ sung nhiệm vụ theo Kế hoạch số 85-KH/ĐU

[2] Hiện nay, nhiệm vụ "Phân vùng chức năng khu vực biển" là nội dung thuộc Quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017. Quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia do Chính phủ tổ chức lập, trình Quốc hội quyết định.

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
21.	Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 10/5/2026, tiếp tục triển khai kế hoạch	
22.	Kế hoạch thực hiện "Trung tâm Đầu mối kinh tế lúa gạo tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý IV/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	
23.	Kế hoạch thực hiện Trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu cá tra tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý IV/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	
*	**Công nghiệp**					
24.	Nghị quyết về hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Tháng 10/2026	HĐND tỉnh	Nghị quyết	
25.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 30/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 23/02/2026	
26.	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh cho chủ trương	Công văn số 2424/UBND-ĐTQH ngày	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					23/7/2026 để chỉ đạo xử lý vướng mắc, triển khai các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai các Công văn	
*	**Thương mại và dịch vụ, du lịch**					
27.	Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ; phát triển sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh; có hàm lượng tri thức công nghệ và giá trị gia tăng cao	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 544/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
28.	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 788/KH-UBND ngày 26/12/2025	
29.	Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Công Thương	Tháng 11/2026	UBND tỉnh	Đề án	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
30.	Đề án thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Công Thương	Tháng 11/2026	UBND tỉnh	Đề án	
31.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 – 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 05/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
32.	Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số, kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ, mua sắm hàng hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 541/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
33.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế khu vực biên giới tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 1230/KH-UBND ngày 13/8/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
34.	Xây dựng kinh tế cửa khẩu hiện đại, đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh	Sở Công Thương	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 545/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
III	**NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ, ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG, KHẮC PHỤC ĐIỂM NGHẼN VỀ HẠ TẦNG GIAO THÔNG, ĐÔ THỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN**					
35.	Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Đã ban hành Quyết định phê duyệt số 1410/QĐ-UBND ngày 13/5/2026; cụ thể hóa Quy hoạch thành kế hoạch và tổ chức thực hiện, báo cáo theo quy định	
36.	Dự án "Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long" (dự án WB11)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2027	UBND tỉnh	Quyết định	
37.	Đẩy mạnh liên kết vùng, nội dung về mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 542/KH-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
38.	Đẩy mạnh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ,	Sở Xây dựng	Đã ban hành	UBND tỉnh	Kế hoạch số 555/KH-UBND	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	hiện đại gắn với phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu		văn bản		ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
39.	Rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng.	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	Cập nhật khi phát sinh hoặc theo chỉ đạo.	Kế hoạch số 661/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
40.	Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ	Sở Xây dựng	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 24/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
41.	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án hạ tầng	Sở Xây dựng	Theo sự chỉ đạo UBND tỉnh	UBND tỉnh cho chủ trương	Báo cáo rà soát các dự án hạ tầng còn vướng mắc, xác định nhóm vướng mắc về đầu tư, đất đai, quy hoạch, vốn, giải phóng	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					mặt bằng.	
42.	Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng nguồn thu và hoạt động ngân sách nhà nước địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 29/4/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
43.	Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có, không để lãng phí, tiêu cực	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 543/KH-UBND ngày 29/4/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
44.	Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 08/5/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
45.	Hoàn thành việc phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định.	Sở Tài chính	Nhiệm vụ thường xuyên; báo cáo theo kỳ đầu tư công	UBND tỉnh	Công văn số 1352/UBND-ĐTQH ngày 09/5/2026 của UBND tỉnh về triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục thực hiện Công văn và báo cáo theo quy định	
46.	Triển khai các quy định pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng	Sở Tài chính	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Công văn số 2351/UBND-KT ngày 17/7/2026 về việc thực hiện Nghị quyết số 31/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ	
47.	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	Sở Tài chính	Năm 2026; báo cáo trong dự toán, quyết toán và báo cáo chuyên đề (nếu có)	UBND tỉnh	Báo cáo số 375/BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh xác định kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2026 theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 135/NQ-CP và kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2026 theo khoản 2 Điều	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					1 Nghị quyết số 135/NQ-CP.	
48.	Triển khai các cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Báo cáo rà soát, đề xuất cơ chế, tiêu chí, quy trình kiểm soát và phối hợp xử lý dự án sử dụng đất	
IV	**PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
*	**Về giáo dục - đào tạo**					
49.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 29/01/2026	
50.	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có khả năng tay nghề cao trong các ngành kỹ thuật, công nghệ; Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong trường học; Chuyển đổi số toàn diện; phân cấp và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 29/4/2026; Kế hoạch số 552/KH-UBND ngày 29/4/2026; Kế hoạch số 536/KH-UBND; Kế hoạch số 554/KH-UBND	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai các Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
*	**Khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo**					
51.	Tháo gỡ các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ" *(lưu ý nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, công việc, sản phẩm, lộ trình, thời gian thực hiện)*; Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao" và "Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 504/KH-UBND ngày 24/4/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
52.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo chỉ đạo của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Báo cáo hiện trạng dữ liệu; kế hoạch/ kịch bản kết nối, chia sẻ dữ liệu; danh mục cơ sở dữ liệu ưu tiên	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
53.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 13/3/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
54.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 14/03/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
55.	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 29/3/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
56.	Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 -2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 1109/KH-UBND ngày 15/7/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
57.	Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ 2026 – 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 24/02/2026;	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
58.	Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 611/KH-UBND ngày 08/5/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
59.	Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 709/KH-UBND ngày 21/5/2026; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
60.	Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	
61.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	
62.	Nghị quyết (đặc thù) của HĐND tỉnh Quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	Đồng Tháp	nghệ	bản		09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	
63.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	
64.	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	
65.	Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	
66.	Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
67.	Xây dựng và vận hành thị trường dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì báo cáo	Theo chỉ đạo của UBND tỉnh	UBND tỉnh cho chủ trương	Báo cáo đề xuất mô hình thị trường dữ liệu và sandbox; kiến nghị thẩm quyền xử lý.	
68.	Tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổng hợp, chuyển đến	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo theo yêu cầu	UBND tỉnh cho chủ trương	Báo cáo kết quả xử lý từng kiến nghị/vướng mắc; danh mục kiến nghị vượt thẩm quyền	
69.	Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	HĐND tỉnh	Nghị quyết	
70.	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026; báo cáo định kỳ	UBND tỉnh	Báo cáo kết quả phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu	
*	**Y tế**					
71.	Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị	Sở Y tế	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân					
72.	Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh"; "Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng	Sở Y tế	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 540/KH-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
*	**Văn hóa**					
73.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 1135/KH-UBND ngày 22/7/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
74.	Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, các ngành kinh tế sáng tạo; kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số, gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 532/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	nghệ; Chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hoá giữa các tầng lớp nhân dân					
75.	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp Sở Nội vụ	Năm 2026; báo cáo định kỳ	UBND tỉnh	Báo cáo rà soát, danh mục hạ tầng văn hóa, xã hội; kết quả triển khai	
*	**An sinh xã hội, lao động, việc làm và giảm nghèo bền vững**					
76.	Chương trình việc làm và phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nội vụ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 29/4/2026, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch	
77.	Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 10/4/2026, đang tiếp tục triển khai thực hiện	
78.	Chương trình An toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Ngay khi Bộ Nội vụ hướng dẫn	UBND tỉnh	Đang chờ Bộ Nội vụ có hướng dẫn giai đoạn 2026 - 2030, sẽ tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
79.	Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thay thế Nghị quyết 51/2023/NQ)	Sở Nội vụ	Năm 2026	HĐND tỉnh	Hai Nghị quyết này đã gom lại thành 01 và đang lấy ý kiến dự thảo, trình vào kỳ họp cuối năm	
80.	Nghị quyết quy định đối tượng vay vốn giải quyết việc làm, đi làm việc ở nước ngoài với lãi suất thấp hơn đối tượng tại khoản 3, khoản 4, Điều 9 Luật Việc làm	Sở Nội vụ	Năm 2026	HĐND tỉnh		
81.	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về quản lý, tổ chức và hoạt động của đội ngũ hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 16/6/2026, đang tiếp tục triển khai thực hiện	
82.	Xây dựng hạ tầng an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản và Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập (nêu rõ tỉnh phải làm những nhiệm vụ, giải pháp gì, sản phẩm, trách nhiệm và thời gian thực hiện); Tạo ra việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động; Tăng cường nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo.	Sở Nội vụ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 647/KH-UBND ngày 14/5/2026; Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 29/4/2026; Kế hoạch số 561/KH-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai các Kế hoạch và báo cáo định kỳ.	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
V	**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**					
83.	Chương trình quan trắc Môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Chương trình số 181/CTr-UBND ngày 15/02/2026	
84.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn lực đất đai tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chậm nhất 30 ngày khi Nghị quyết được ký ban hành	UBND tỉnh	Kế hoạch	
85.	Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu nước sạch nông thôn theo Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tháng 12/2026	UBND tỉnh	Kế hoạch	
86.	Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường	Thanh tra tỉnh	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 06/5/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
87.	Phát triển ngành công nghiệp môi trường; thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường và Bảo vệ phục hồi các hệ sinh thái,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 28/4/2026; Kế	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên.				hoạch số 564/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai các Kế hoạch và báo cáo theo quy định.	
88.	Xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả, xử lý đất bỏ hoang, thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 954/KH-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch và báo cáo theo quy định	
VI	**NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ NĂNG LỰC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN; SIẾT CHẶT KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH NHẰM XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ**					
89.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn mới	Sở Nội vụ	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 750/KH-UBND ngày 25/5/2026, tiếp tục triển khai Kế hoạch	
90.	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công	Sở Tư pháp	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/02/2026	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới					
91.	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (đối với các TTHC do địa phương ban hành) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Thực hiện thường xuyên	UBND tỉnh	Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 29/4/2026; tiếp tục theo dõi kết quả cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ, điều kiện kinh doanh; báo cáo theo quy định	
92.	Nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Sở Tài chính	Theo chỉ đạo của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Báo cáo đề xuất mô hình đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp; phương án tổ chức thực hiện nếu đủ điều kiện	
93.	Triển khai đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Định kỳ hàng tháng hoặc theo chỉ đạo của Trung ương hoặc thường xuyên		Văn bản triển khai, theo dõi đánh giá, tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng chức năng	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
94.	Bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình.	Văn phòng UBND tỉnh	Đã ban hành văn bản	Báo cáo số 9827/BC-VPUBND ngày 03/8/2026	Báo cáo tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình; danh mục dịch vụ công chưa đạt, nguyên nhân.	
95.	Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình hay, hiệu quả về cải cách hành chính phù hợp với thực tế của tỉnh.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Theo kế hoạch	UBND tỉnh	Kế hoạch	
96.	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 29/4/2026; Tiếp tục tổ chức thực hiện theo Kế hoạch, theo dõi kết quả chuẩn hóa, số hóa, liên thông dữ liệu, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ và báo cáo kết quả theo quy định.	
97.	Hoàn thành các phương án để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến	Thanh tra tỉnh	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 624/KH-UBND	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, các bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước năm 2024 khi Luật Đất đai có hiệu lực				ngày 09/5/2026, tiếp tục triển khai kế hoạch, rà soát, phân loại, xử lý theo từng nhóm dự án, kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và vi phạm pháp luật về đất đai; báo cáo theo quy định.	
VII	**ĐẢM BẢO VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG - AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI**					
98.	Phòng không nhân dân, quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 01/01/2026	
99.	Tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động và đảm bảo chế độ chính sách cho DQTV giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đã trình HĐND tỉnh ban hành văn bản	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01/01/2026	
100.	Tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động QB-TS giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Theo văn bản chỉ đạo	UBND tỉnh	Đề án	
101.	Phòng thủ dân sự giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 09/01/2026	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cấp phê duyệt	Sản phẩm và nội dung tiếp tục thực hiện	Ghi chú
102.	Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội bảo đảm là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Công an tỉnh	Đã ban hành văn bản	UBND tỉnh	Tiếp tục triển khai theo chế độ bảo mật.	